



Financial Accounting (FI)

[Intro_S4HANA_Using_Global_Bike_Slides_FI_en_v4.2.pdf](#)

1/ Chức năng chính của FI

FI tập trung vào việc ghi nhận và báo cáo dữ liệu tài chính, phục vụ cả mục đích nội bộ và bên ngoài. Các báo cáo tiêu chuẩn bao gồm:

- **Bảng cân đối kế toán (Balance Sheet)** – thể hiện tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.
- **Báo cáo lãi lỗ (Income Statement)** – ghi nhận doanh thu và chi phí trong một giai đoạn.
- **Báo cáo dòng tiền (Statement of Cash Flows)** – phân tích dòng tiền vào và ra của công ty.

2. Cấu trúc tổ chức của FI

1. Client (Khách hàng)

- Là môi trường độc lập trong hệ thống SAP, xác định phạm vi của các giao dịch và báo cáo.
- Một hệ thống có thể có nhiều Client, ví dụ:
 - Client 100: Môi trường phát triển.
 - Client 200: Môi trường kiểm thử.
 - Client 300: Môi trường thực tế.

2. Company Code (Mã công ty)

- Đại diện cho một đơn vị pháp lý riêng biệt, có báo cáo tài chính riêng.
- Chuẩn mực kế toán VAS/IAS/IFRS
- Ví dụ trong Global Bike:
 - **US00**: Công ty tại Mỹ.
 - **DE00**: Công ty tại Đức.

3. Chart of Accounts (Hệ thống tài khoản kế toán)

- Tập hợp các tài khoản sổ cái chung (**General Ledger - G/L**) dùng để ghi nhận dữ liệu tài chính.
- Là danh mục dùng để liệt kê toàn bộ tài khoản kế toán dùng để ghi nhận các giao dịch phát sinh và chứng từ kế toán.
- Một Company Code có thể sử dụng một hoặc nhiều Chart of Accounts.

SAP hỗ trợ 3 loại COA chính:

1. Operating Chart of Accounts (COA hoạt động)

- Được sử dụng trong các nghiệp vụ kế toán hàng ngày.
- Liên kết với từng Company Code để ghi nhận các giao dịch.
- Ví dụ: Công ty Global Bike có COA **GL00** cho toàn bộ hệ thống.

2. Group Chart of Accounts (COA nhóm)

- Dùng để hợp nhất báo cáo tài chính của nhiều Company Code khác nhau.
- Các công ty thuộc cùng một tập đoàn thường sử dụng chung một COA nhóm để tạo báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Country-Specific Chart of Accounts (COA theo quốc gia)

- Được sử dụng để đáp ứng các yêu cầu kế toán theo từng quốc gia.
- Một Company Code có thể sử dụng COA quốc gia khác nhau tùy theo quy định pháp luật.

Mỗi COA chứa danh sách các General Ledger Accounts (Tài khoản sổ cái chung). Các tài khoản này được phân loại theo 5 nhóm chính:

1. Tài sản (Assets - Loại tài khoản A)

- Ví dụ:
 - 100000: Cash (Tiền mặt)
 - 120000: Accounts Receivable (Công nợ phải thu)
 - 150000: Inventory (Hàng tồn kho)

2. Nợ phải trả (Liabilities - Loại tài khoản L)

- Ví dụ:
 - 200000: Accounts Payable (Công nợ phải trả)
 - 250000: Loans Payable (Nợ vay ngân hàng)

3. Vốn chủ sở hữu (Equity - Loại tài khoản E)

- Ví dụ:
 - 300000: Common Stock (Vốn cổ phần)
 - 310000: Retained Earnings (Lợi nhuận giữ lại)

4. Doanh thu (Revenue - Loại tài khoản R)

- Ví dụ:
 - 400000: Sales Revenue (Doanh thu bán hàng)
 - 410000: Service Revenue (Doanh thu dịch vụ)

5. Chi phí (Expenses - Loại tài khoản X)

- Ví dụ:
 - 500000: Cost of Goods Sold (Giá vốn hàng bán)
 - 510000: Salaries Expense (Chi phí lương)
 - 520000: Rent Expense (Chi phí thuê mặt bằng)

Cách quản lý Chart of Accounts trong SAP

Dưới đây là một số giao dịch quan trọng để quản lý COA trong SAP:

- **OB13**: Tạo một Chart of Accounts.
- **FS00**: Tạo hoặc chỉnh sửa một tài khoản sổ cái trong COA.
- **OB62**: Gán Chart of Accounts cho Company Code.
- **FSP0**: Xem tài khoản sổ cái cấp COA.

4. Credit Control Area (Khu vực kiểm soát tín dụng)

- Đơn vị quản lý hạn mức tín dụng của khách hàng.
- Có thể áp dụng cho một hoặc nhiều Company Code.
- Ví dụ: **GL00** là khu vực kiểm soát tín dụng chung cho toàn bộ Global Bike.

5. Business Area (Lĩnh vực kinh doanh)

- Phân vùng theo lĩnh vực hoạt động, có thể lập báo cáo tài chính riêng.
- Ví dụ: **BI00 (Bikes Business Area)** đại diện cho hoạt động kinh doanh xe đạp của Global Bike.

3. Dữ liệu Master trong FI

FI sử dụng các loại dữ liệu master quan trọng sau:

1. General Ledger (Sổ cái chung)

- Lưu trữ tất cả các giao dịch tài chính ảnh hưởng đến tài khoản trong Chart of Accounts.
- Được sử dụng để chuẩn bị báo cáo tài chính.

2. Customer & Vendor Master Data (Dữ liệu khách hàng & nhà cung cấp)

- **Accounts Receivable (FI-AR):** Quản lý công nợ khách hàng.
- **Accounts Payable (FI-AP):** Quản lý công nợ nhà cung cấp.

3. Accounts Receivable (Công nợ khách hàng - FI-AR)

- Ghi nhận thông tin mua hàng và thanh toán từ khách hàng.
- Tích hợp với module **Sales & Distribution (SD)** để tạo bút toán kế toán khi hóa đơn bán hàng được xuất.

4. Accounts Payable (Công nợ nhà cung cấp - FI-AP)

- Quản lý các khoản nợ với nhà cung cấp.
- Tích hợp với module **Materials Management (MM)** để tạo bút toán khi nhận hàng hoặc mua hàng.

4. Các quy trình chính trong FI

Một số quy trình quan trọng trong FI bao gồm:

1. Ghi nhận giao dịch vào sổ cái chung (G/L Posting)

- Khi một giao dịch tài chính diễn ra, dữ liệu được ghi vào sổ cái chung.

2. Đối chiếu công nợ (Reconciliation)

- Hệ thống tự động đối chiếu giữa công nợ khách hàng, công nợ nhà cung cấp và sổ cái chung.

3. Thanh toán (Payments Processing)

- Bao gồm thanh toán cho nhà cung cấp và nhận thanh toán từ khách hàng.
-

5. Báo cáo tài chính trong FI

FI hỗ trợ các loại báo cáo tài chính quan trọng:

1. Balance Sheet (Bảng cân đối kế toán)

- Hiện thị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu tại một thời điểm cụ thể.
- Công thức cơ bản: **Tài sản = Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu**

2. Income Statement (Báo cáo lãi lỗ)

- Thể hiện doanh thu và chi phí trong một kỳ kế toán.
- Công thức cơ bản: **Doanh thu - Chi phí = Lợi nhuận ròng**

3. Statement of Cash Flows (Báo cáo lưu chuyển tiền tệ)

- Phân tích dòng tiền vào và ra trong kỳ kế toán.
 - Giúp đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
-

6. Tích hợp với các module khác

Module FI được tích hợp chặt chẽ với các module khác của SAP:

- **SD (Sales and Distribution):** Hóa đơn bán hàng trong SD tạo ra bút toán công nợ khách hàng trong FI.
 - **MM (Materials Management):** Hóa đơn mua hàng trong MM tạo ra bút toán công nợ nhà cung cấp trong FI.
 - **CO (Controlling):** FI cung cấp dữ liệu tài chính cho CO để phân tích chi phí.
 - **PP (Production Planning):** FI theo dõi chi phí sản xuất và dòng tiền liên quan đến sản xuất.
-

7. Nguyên tắc tài liệu SAP (SAP Document Principle)

- Mỗi giao dịch tài chính trong FI đều tạo ra một tài liệu kế toán với số chứng từ duy nhất.
- Tài liệu chứa thông tin về người thực hiện, thời gian giao dịch và nội dung thương mại.
- Một khi đã ghi nhận vào hệ thống, tài liệu không thể bị xóa nhưng có thể điều chỉnh.



CASE STUDY FI-AA



CASE STUDY FI-AP



CASE STUDY FI-AR



Note FI SAP